TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 29-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Ông Nguyễn Văn Ta.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Văn L, năm sinh 1996, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá Q (đã chết) và bà Trần Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án: chưa có; tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giữ ngày 21 tháng 11 năm 2018, tạm giam ngày 24 tháng 11 năm 2018; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Phi T là luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 2; có mặt.

- Bị hại:

1. Ngô Văn N, năm sinh 1982; vắng mặt;

2. Nguyễn Thị T1, năm sinh 1979; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Lê Văn L1, Phan Quốc T2, Lê Thị N1, Trần Thị N2, Nguyễn Thị M, Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L đi làm thuê cho Cửa hàng vật liệu xây dựng T tại ấp 1, xã T, huyện H, do Lê Văn L1 làm chủ. Khoảng 22 giờ ngày 25 tháng 7 năm 2018, L uống rượu với người quen, đến khoảng 00 giờ ngày 26 tháng 7 năm 2018, L nghỉ uống rượu định đi về ngủ. Sau đó, L nhìn vào Nhà lồng chợ C thuộc ấp 1, xã T, huyện H, thấy chiếc xe mô tô, M sơn xanh, biển số 66H4-XXXX của anh Ngô Văn N dựng trước cửa ki-ốt không người trông coi. L nảy sinh ý định lấy trộm và dẫn xe của anh N về nhà anh L1, lấy quần áo cá nhân rồi điều khiển xe về nhà mẹ ruột là bà Trần Thị N2 ở ấp C, xã T, huyện T. Sáng ngày 26 tháng 7 năm 2018, anh N phát hiện xe mô tô bị mất trộm nên trình báo Công an xã T. Khoảng 03-04 ngày sau, L kêu bà Trần Thị N2 và Nguyễn Thị M là mợ của L, mang xe trả lại cho anh N, còn L lẫn trốn đến ngày 21 tháng 11 năm 2018 thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KLĐG-TSHS ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Xe mô tô biển số 66H4-XXXX, nhãn hiệu WAND, M sơn xanh, đã qua sử dụng, trị giá 3.500.000đ.

Vật chứng thu giữ: Một xe mô tô biển số 66H4-XXXX. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, đã trả lại cho bị hại Ngô Văn N.

Bị hại Ngô Văn N cùng vợ là Nguyễn Thị T1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại dân sự.

Tại Cáo trạng truy tố số 01/CT-VKSHN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 06 đến 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Vật chứng: Đã xử lý xong. Về dân sự: Không có yêu cầu.

Bị cáo L thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã biết sai trái, xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về chăm lo cho mẹ già và hứa không tái phạm.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Lê Phi T phát biểu: Thống nhất theo truy tố của Viện kiểm sát nhưng bổ sung thêm những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có ông ngoại là liệt sĩ, cha là người có công cách mạng, mẹ bị cáo đang bị bệnh nặng. Đề nghị xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn L khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[2] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; có hành vi cố ý trực tiếp, trộm cắp tài sản là xe mô tô của bị hại N và T1, trị giá 3.500.000đ. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn L phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Khoản 1 Điều 173 BLHS, quy định: "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã trả lại tài sản cho bị hại khắc phục hậu quả; bị cáo là người làm thuê, không biết chữ nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, cha bị cáo là người có công với cách mạng. Do vậy, áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo và quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[10] Đối với tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS là chưa phù hợp nên không chấp nhận vì bị cáo đã trộm xe mô tô làm ảnh hưởng đến việc sử dụng tài sản hợp pháp của anh N là đã có thiệt hại. Việc bị cáo trả lại xe là khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS như nhận định trên. Đối với các tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa tranh luận nhưng chưa chứng minh được nên không chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[13] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm "Tội trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Lê Văn L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 11 năm 2018.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29 tháng 01 năm 2019). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú